

Số: 1494/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính nội bộ Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản trong tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực địa chất và khoáng sản trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bổ sung 02 thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025.

(Danh mục và nội dung thủ tục hành chính nội bộ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trường hợp thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Tổ chức niêm yết, công khai TTHC nội bộ tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; triển khai, quán triệt thực hiện và xử lý hồ sơ theo trình tự, thời gian và nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết được giao theo quy định.

2. Triển khai rà soát đảm bảo đạt tỷ lệ 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý chuyên ngành của đơn vị được đánh giá, đề xuất đơn giản hóa, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt

phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định có liên quan đến nội dung TTHC nội bộ để phối hợp, tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét điều chỉnh trong trường hợp TTHC nội bộ công bố tại Quyết định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới.

Điều 4. Văn phòng UBND tỉnh (Công Thông tin điện tử tỉnh) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật công khai TTHC nội bộ đã được công bố lên Công thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, KTN, HCTC, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



I

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC nội bộ	Cơ quan thực hiện	Trang
1	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan thực hiện TTHC: UBND tỉnh Đồng Nai. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.	1
2	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.	2



Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

1. Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: UBND cấp tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 3: UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của UBND tỉnh;

- Bản thuyết minh gồm các nội dung chính: Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoanh định; nguyên tắc, phương pháp khoanh định; kết quả khoanh định theo từng lĩnh vực và tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khép góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh. Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm trên nền địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1/200.000 - 1/100.000, bao gồm cả đới hành lang bảo vệ, an toàn cho khu vực đã khoanh định (nếu có). Đối với các khu vực phức tạp, thể hiện trên các bản vẽ chi tiết tỷ lệ từ 1/25.000 - 1/10.000 hoặc lớn hơn.

d) Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

2. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 22, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: UBND cấp tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.